

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 19/6/2024

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H'Loan và bà Đặng Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát: Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-DS ngày 03/5/2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-DS ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Bon N, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thái T; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn T1; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 15/01/2022 ông H ký kết phụ lục hợp đồng giao khoán số 01/PLHĐGK-2022 để thi công công trình nhà ở tại tổ dân phố C, phường N, thành phố G cho bà Nguyễn Thái T với giá 1.600.000.000đ; thỏa thuận sau khi ký hợp đồng tạm ứng trước 600.000.000đ, bên ông H (tức bên B) được thanh toán tối đa 95% giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành sau khi khấu trừ xong giá trị tạm ứng của hợp đồng; bên bà T (tức bên A) sẽ thanh toán 5% giá trị quyết toán còn lại sau khi kết thúc thời gian bảo hành; các hạng mục phát sinh thêm hoặc bớt hai bên thương lượng và phải có trách nhiệm giải quyết cho bên còn lại hợp lý.

Quá trình thi công, bà T thuê người khác thi công một số hạng mục tương ứng với số tiền khoảng 79.260.000đ, còn ông H thi công thêm một số hạng mục tương ứng với số tiền 46.020.000đ. Ông H đã hoàn thành và giao nhà cho bà T sử dụng từ tháng 7/2022 nhưng đến nay bà T mới thanh toán 1.300.000.000đ. Số tiền còn lại chưa thanh toán là $(300.000.000đ + 46.020.000đ) - 79.260.000đ = 266.760.000đ$, ông H đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T không trả. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải thanh toán số tiền 266.760.000đ và phải trả lãi chậm trả với số tiền 22.807.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H rút yêu cầu trả lãi chậm trả với số tiền 22.807.000đ và chỉ yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền 163.460.000đ (bao gồm 83.460.000đ tiền giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành và 80.000.000đ (5%) giá trị quyết toán của hợp đồng).

Ngày 14/5/2024 ông H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết chỉ yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền 123.460.000đ (gồm 83.460.000đ giá trị khối lượng thi công công trình và 40.000.000đ tiền bảo hành công trình).

Bị đơn bà Nguyễn Thái T trình bày:

Bà T và ông H có ký kết Phụ lục hợp đồng giao khoán số 01/PLHĐGK-2022 ngày 15/01/2022, theo đó ông H nhận xây nhà ở cho bà tại tổ dân phố C, phường N với giá 1.600.000.000đ, bà T đã thanh toán 1.300.000.000đ và nhận nhà sử dụng từ tháng 7/2022. Ngày 03/4/2023 bà T liệt kê 12 công việc cần phải sửa chữa tại giấy “Công việc cần sửa chữa”, đồng thời soạn thảo “Công nợ xây dựng 03/04/2023” và “Phần khối lượng phát sinh của nhà thầu” rồi đưa cho ông H để ông H đối chiếu và đồng thuận. Tuy nhiên, sau khi nhận các giấy tờ cho đến trước khi khởi kiện, ông H không gặp bà T để thương lượng, cũng không sửa chữa hết các công việc mà bà yêu cầu nên bà T không chấp nhận thanh toán 80.000.000đ tiền bảo

hành. Đối với số tiền còn lại 83.460.000đ, nếu ông H không khởi kiện thì bà sẽ thanh toán, nhưng do ông H khởi kiện nên bà T không đồng ý thanh toán.

Ngoài ra, bà T có đơn phản tố yêu cầu Tòa án chấm dứt phụ lục hợp đồng giao khoán số 01/PLHĐGK-2022 ngày 15/01/2022 ký kết giữa bà và ông Nguyễn Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn H là người thi công xây dựng công trình nhà ở tại tổ dân phố C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, mọi sự thỏa thuận, cam kết kết liên quan đến phụ lục hợp đồng giao khoán số 01/PLHĐGK -2022 ngày 15/01/2022 và các nội dung khác phát sinh (công việc, số tiền ...) trong quá trình thực hiện phụ lục hợp đồng; việc đối chiếu, chốt lại số tiền phải cần trừ hoặc phải trả ... đều do vợ ông là bà Nguyễn Thái T trực tiếp thực hiện, thỏa thuận và ký kết với ông H, ông không tham gia nên không liên quan và không yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 212, khoản 2 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 403, 420, 422 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công công trình, tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thái T phải trả lãi do chậm thanh toán với số tiền 22.807.000đ; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thái T phải thanh toán tiền thi công công trình, buộc bà T phải thanh toán cho ông H tổng số tiền 123.460.000đ; Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thái T và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết yêu cầu phản tố, cụ thể: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thái T thỏa thuận chấm dứt phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐGK-2022 ngày 15/01/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu thanh toán giá trị hợp đồng thi công xây dựng công trình (nhà ở); bị đơn cư trú tại thành phố G và có đơn phản tố yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công. Do đó có căn cứ xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H:

[2.1.1] Đối với yêu cầu phải trả lãi do chậm thanh toán với số tiền 22.807.000đ: Ông Nguyễn Văn H đã tự nguyện rút yêu cầu này nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử.

[2.1.2] Đối với yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 80.000.000đ (5%) giá trị quyết toán của hợp đồng: Tại Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐGK-2022 ngày 15/01/2022, ông H và bà T thỏa thuận: Giá trị hợp đồng là 1.600.000.000đ, bà T sẽ thanh toán cho ông H số tiền 5% giá trị quyết toán còn lại sau khi kết thúc thời gian bảo hành (Điều 3); thời gian bảo hành 12 tháng tính từ ngày bên B bàn giao nhà cho bên A (Điều 4). Quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà T xác nhận đã thực hiện việc giao, nhận nhà vào tháng 7/2022. Như vậy, tính đến ngày ông H khởi kiện thì thời hạn bảo hành đã hết. Bà T khẳng định bà không thuê người khác sửa chữa mọi hỏng hóc, nhưng không đồng ý thanh toán 80.000.000đ tiền bảo hành (5% giá trị quyết toán của hợp đồng) vì cho rằng ông H không sửa chữa xong 12 công việc (hư hỏng) mà bà yêu cầu tại giấy “Công việc cần sửa chữa” ngay sau ngày 03/4/2023 là không có căn cứ, bởi lẽ: Trong Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐGK-2022 ngày 15/01/2022 các bên chỉ thỏa thuận nội dung: “Trường hợp có hư hỏng liên quan đến hạng mục công trình mà do lỗi của bên B, trong vòng hai ngày kể từ khi có thông báo của bên A, nếu bên B không thực hiện sửa chữa thì bên A có quyền thuê nhà thầu khác sửa và khấu trừ chi phí này vào số tiền bảo hành của bên B”.

[2.1.3] Đối với yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 83.460.000đ giá trị khối lượng thi công công trình: Bà T thừa nhận sau khi tính toán số tiền ương ứng với công việc ông H không làm và có làm (phát sinh), bà đã soạn thảo giấy “Công nợ xây dựng 03/04/2023” để giải quyết (thanh toán) số tiền còn lại cho ông H, thừa nhận 83.460.000đ thể hiện tại giấy “Công nợ xây dựng 03/04/2023” là số tiền mà bà phải trả cho ông

H. Sự thừa nhận của bà T là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1.4] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của ông H về việc yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền 163.460.000đ (bao gồm 80.000.000đ tiền bảo hành (tức 5% giá trị quyết toán của hợp đồng) và 83.460.000đ giá trị khối lượng thi công công trình) là có căn cứ. Tuy nhiên, ngày 14/5/2024 ông H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết chỉ yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền 123.460.000đ (gồm 83.460.000đ giá trị khối lượng thi công công trình và 40.000.000đ tiền bảo hành công trình). Ngày 05/6/2024, bà T có đơn trình bày đồng ý thanh toán cho ông H toàn bộ số tiền 123.460.000đ. Xét thấy, yêu cầu và ý kiến của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu chấm dứt phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐGK-2022 ngày 15/01/2022:

Xét thấy, mục đích ký kết phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐGK-2022 ngày 15/01/2022 hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐGK-2022 ngày 15/01/2022 có hiệu lực. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thỏa thuận, thống nhất chấm dứt nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết yêu cầu này.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thái T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả $123.460.000đ \times 5\% = 6.173.000đ$. Ông H phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch với số tiền 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000765 ngày 15/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Căn cứ các Điều 117, 401, 403, 422 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thái T phải trả lãi do chậm thanh toán với số tiền 22.807.000đ (Hai mươi hai triệu, tám trăm linh bảy nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thái T phải thanh toán tiền thi công công trình nhà ở tại tổ dân phố C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Buộc bà Nguyễn Thái T phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H tổng số tiền 123.460.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), (bao gồm 83.460.000đ giá trị khối lượng thi công công trình và 40.000.000đ tiền bảo hành công trình).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thái T. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết yêu cầu phản tố, cụ thể: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thái T thỏa thuận chấm dứt phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐGK-2022 ngày 15/01/2022.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 7.239.000đ (Bảy triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp; hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000765 ngày 15/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Buộc bà Nguyễn Thái T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 6.173.000đ (Sáu triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thắm